

ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT

HỌ NGUYỄN ĐỨC LỤC CHI: “NGUỒN LỚN - DÒNG MẠNH”

Phạm Quang Ái*

Gia tộc Nguyễn Đức lục chi ở xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà là một trong số những danh gia vọng tộc lớn của xứ Nghệ nói chung, Hà Tĩnh nói riêng. Trải qua lịch sử hơn 600 năm, cùng với các cự tộc trong vùng, họ Nguyễn Đức lục chi đã góp phần to lớn trong việc xây dựng, bồi đắp nên nền văn hiến phồn thịnh nơi đây, làm cho Hà Tĩnh nổi tiếng là vùng đất “địa linh nhân kiệt”.

Hà Tĩnh, vùng đất phen giậu phía nam của quốc gia Đại Việt, trong một thời gian dài, từng là nơi hợp lưu, hòa huyết của nhiều gia tộc lớn từ phía bắc vào lưu cư, sinh cơ lập nghiệp, trong đó có họ Nguyễn Đức lục chi. Thủy tổ của dòng họ Nguyễn Đức lục chi là một hậu duệ trực hệ của Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải (1241-1294), một thân vương quý tộc nhà Trần, làm đến chức Tể tướng đời Trần Thánh Tông. Vào khoảng những năm cuối thế kỷ XIV, nhà Trần suy yếu, Phụ chính Thái sư Hồ Quý Ly ngày càng lộng hành, trên thì ức hiếp nhà vua, dưới thì bức hại triều thần để tìm cách cướp ngôi, khiến cho hoàng thân, quốc thích nhà Trần số lớn bị giết, số còn lại phải ly tán. Vị thủy tổ của dòng họ Nguyễn Đức lục chi đã may mắn thoát thân, một mình bôn tẩu vào tận mảnh đất Ích Hậu ẩn cư tránh nạn, lập ra một chi nhánh họ Trần ở đây.

Sang thế kỷ XV, gia tộc này đã trỗi dậy hiển hách khi sinh ra một bậc đại khoa là Hoàng giáp Trần Đức Mậu 陳德懋. Theo *Nguyễn Đức thị Đông Các đại tông phổ toàn biên* và *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* thì Trần Đức Mậu sinh năm Tân Dậu (1441) và đỗ Hoàng giáp khoa thi năm Nhâm Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ ba (1472), khi vừa tròn 32 tuổi. Trong năm thế kỷ đầu kỷ nguyên độc lập của quốc gia Đại Việt, kể từ khi nhà Lý lập Quốc Tử Giám (1075) và tổ chức thi cử, toàn trấn Nghệ An chỉ có 7 người giành được học vị cao quý tính từ Hoàng giáp trở lên thì Trần Đức Mậu là người thứ 7. Trong điều kiện một gia đình mới vào ngụ cư khoảng ba đời ở vùng đất biên viễn hoang vu, nghèo đói, lại ở một trí quá cách xa các trung tâm văn hóa đương thời mà dòm mài kinh sử để có thể đạt được học vị cao như thế, ngoài tư chất di truyền của dòng giống, quả là Trần Đức Mậu đã phải cực kỳ nỗ lực vượt khó, vượt khó mới có được thành quả vẻ vang này!

* Tạp chí Văn hóa Hà Tĩnh.

Sau khi hiển đạt khoa danh, Trần Đức Mậu được bổ chức Hàn Lâm Viện hiệu lý, hàm Chánh thất phẩm. Hàn Lâm Viện là cơ quan chuyên trách việc khởi thảo các văn bản hành chính và văn chương cho triều đình. Sau một thời gian ngắn giữ chức Hàn Lâm Viện hiệu lý, với tài năng và sự mẫn cán được triều đình đánh giá cao, Trần Đức Mậu được thăng chức Đông Các hiệu thư, hàm Chánh lục phẩm. Đây là một chức vụ quan trọng, chuyên nhuận sắc, hiệu chỉnh những văn bản bên Hàn Lâm Viện chuyển sang trước khi đệ trình lên vua, đồng thời cũng có nhiệm vụ phải kiến giải trước triều đình về những vấn đề chưa thống nhất, để vua cân nhắc đúng sai. Về sau, có thể do tài năng và được vua sủng ái, nên Trần Đức Mậu bị một số nịnh thần ghen ghét, xúc xiểm. Để tránh sự nghi kỵ của nhà vua và triều thần, đồng thời phần nào cũng do sự thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, ông bèn cải tạo biệt phủ của mình ở quê thành một ngôi chùa, đặt tên là chùa Trường Xuân, cho nhân dân ba thôn xung quanh thờ cúng, vì vậy, chùa này còn có tục danh là chùa Ba Làng. Dân chúng nhớ công đức ông, về sau phối thờ ông ở gian thờ tổ. Ngôi chùa này mới bị phá bỏ trong Cải cách ruộng đất (1956).

Sau đó, một số con cháu Trần Đức Mậu lại đổi thành họ Nguyễn Đức, trong khi một số khác vẫn giữ tộc danh là họ Trần. Việc đổi họ, đến nay, vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân, còn có nhiều giả thuyết khác nhau. Rất có thể, vào thời Lê trung hưng, trong tình thế Lê - Mạc phân tranh, một số người con Trần Đức Mậu đã theo nhà Mạc chống lại nhà Lê nên buộc phải đổi họ để tránh tai vạ cho con cháu. Bởi vậy, tộc phả bị đứt quãng một thời gian rất dài, con cháu đời sau khó lòng cứu xét về thế thứ.

Đến thời Lê mạt, trong họ có vị hiển tổ là Đoan Trai công **Nguyễn Đức Tạo** 阮德造, bằng năng lực và đức độ của mình, đã mở ra một chặng đường phát triển mới cho dòng họ. Nguyễn Đức Tạo tự là Đoan Trai 端齋, sinh vào năm Mậu Thân (1788). Vợ ông là bà Nguyễn Thị Hoa 阮氏華, tự Ngọc Liên 玉蓮, cháu chắt trực hệ của Tể tướng Hoàng giáp kếp Nguyễn Văn Giai ở thế kỷ XVII, người cùng xã. Thời trẻ, Nguyễn Đức Tạo có được theo đòi bút nghiên một thời gian rồi ở nhà chăm nghề nông tang, sau đi buôn và trở nên giàu có. Tuy là một nhà cự phú nhưng ông sống rất cần kiệm và giàu lòng nhân ái, thường dốc công, dốc của ra làm từ thiện để tích phúc cho con cháu. Về sau, do có sức khỏe và can đảm, ông đã tham gia làm tuần phòng, được triều đình nhà Nguyễn bổ chức Tuần thám Hà Tĩnh, phụ trách công tác an ninh ba huyện Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, có nhiều công trạng trong việc trị an trên địa bàn nên được nhân dân rất kính trọng, được triều đình nhiều lần ban thưởng. Đặc biệt, vào năm Tự Đức thứ 5 (1852), trong trấn gặp nạn đói to; tại nhiều địa phương, dân chúng kiệt quệ lương thực và đã có không ít người chết đói. Cùng với việc xuất tiền của riêng, Nguyễn Đức Tạo đã quyên góp được một số tiền rất lớn, tổ chức cứu tế cho dân suốt mấy tháng trời. Do công

đức to lớn đó, ông được nhà vua ban tặng danh hiệu Nghĩa dân 義民 (người dân có nghĩa khí) và ban cho tấm biển “Ân thưởng nghĩa dân” (tấm biển nay vẫn còn).

Nguyễn Đức Tạo có 6 người con trai, tất cả đều phượng trưởng và phát triển thành 6 nhánh, tức là họ Nguyễn Đức lục chi ngày nay.

Sinh thời, ngoài dương công âm phúc to lớn mà Đoan Trai công đã tạo lập cho dòng họ và nhân dân trong vùng, ông còn để lại cho con cháu một lời di huấn vô cùng quý báu:

*Ô hô! Thiên địa trường tồn,
Bạc vàng dễ kiếm, người khôn khó tìm.*

Lời di huấn đó là sự tổng kết cuộc đời cần mẫn, sáng tạo, dũng cảm và nhân đức của ông đồng thời cũng mở ra những truyền thống tốt đẹp cho một cự tộc về sau.

Quả đúng là “Hồng nguyên tuần lưu” (Nguồn lớn thì dòng chảy mạnh)! Sau cụ Đoan Trai công Nguyễn Đức Tạo, vào đời thứ 4, dòng họ Nguyễn Đức lục chi lại sản sinh ra hai nhà chí sĩ yêu nước danh tiếng đầu thế kỷ XX. Đó là Tú tài Nguyễn Hiệt Chi 阮頌之 (1870-1935), tộc trưởng đời thứ tư và Liệt sĩ Nguyễn Hàng Chi 阮杭之 (1885-1908).

Nguyễn Hiệt Chi từ nhỏ đã theo đuổi Nho học, từng tham gia hạch tỉnh đồ đầu xứ, nhưng gặp buổi nước nhà loạn ly nên sau khi đậu Tú tài đã bỏ hẳn con đường khoa cử, tiếp xúc với tân thư, giao du mật thiết với các chí sĩ lớn đương thời như Phan Bội Châu, Đặng Nguyên Cẩn, Nguyễn Sinh Sắc, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp..., và tham gia phong trào Duy Tân ngay từ đầu. Ông cũng là người sáng lập Công ty Liên Thành để kinh doanh lấy tiền ủng hộ phong trào Đông Du, lập Liên Thành thư xã để cổ súy việc đọc sách, mở mang dân trí; đồng sáng lập Trường Dục Thanh (đều ở Phan Thiết) để thông qua việc dạy học cổ vũ lòng yêu nước và tuyên truyền tư tưởng chống Pháp cho thế hệ trẻ. Về sau, ông được bổ làm giáo sư Quốc Học Huế, Quốc Học Vinh và cùng một số học giả khác biên soạn nhiều bộ sách giáo khoa cho nhà trường phổ thông Pháp - Việt mà đến nay vẫn còn giá trị. Ngoài ra, học giả Nguyễn Hiệt Chi còn sưu tầm, nghiên cứu và biên soạn các sách từ điển, ngữ pháp, địa chí, văn hóa dân gian.... Đó là những di sản quý giá mở đầu cho truyền thống học thuật, trước tác rực rỡ của dòng họ Nguyễn Đức lục chi trong hơn một thế kỷ qua. Và không thể không kể đến một di sản to lớn mà ông đã gây dựng nên cho gia tộc và nhân dân trong vùng là Mộng Thương thư trai (Thư viện Mộng Thương), một trong ba thư viện lớn đương thời ở xứ Nghệ. Cuối đời, vào khoảng năm 1928, ông đã tham gia Tân Việt cách mạng đảng, một trong ba tổ chức yêu nước và cách mạng tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Noi gương tiên nhân và đúc kết từ cuộc đời mình, danh sĩ Nguyễn Hiệt Chi đã để lại cho con cháu châm ngôn về đạo lý làm người: “*Học tập, làm lưng ta ngó*

lên/Ấn mặc ta nhìn xuống”. Cùng với di huấn của đức tổ Nguyễn Đức Tạo, châm ngôn của Nguyễn Hiệt Chi đã được con cháu khắc vào bảng vàng trân trọng treo trong từ đường dòng họ.

Có thể nói, Nguyễn Hiệt Chi là một nhà chí sĩ yêu nước và cách mạng có tầm cỡ, một nhà giáo dục lớn với một tư tưởng duy tân mạnh mẽ, một trình độ học thuật uyên bác và đức độ chuẩn mực của người thầy, đã có công đào tạo ra những thế hệ trí thức lớn cho đất nước, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp mở mang dân trí, chấn hưng dân khí, thúc đẩy phong trào yêu nước và đấu tranh giải phóng dân tộc sau này.

Liệt sĩ **Nguyễn Hàng Chi** là em ruột của Nguyễn Hiệt Chi. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho học, truyền thống yêu nước thương dân, Nguyễn Hàng Chi đã từ bỏ khoa cử hủ bại đương thời, sớm tiếp thu những tư tưởng cách mạng của phương Tây, quả quyết đi theo tiếng gọi cứu nước, cứu nòi của các chí sĩ đàn anh, dũng cảm tham gia lãnh đạo phong trào chống thuế Trung Kỳ ở Nghệ Tĩnh (1908) và đã hy sinh oanh liệt dưới lưỡi đao tàn bạo của chính quyền thực dân - phong kiến. Trước lúc ra pháp trường, Nguyễn Hàng Chi còn gửi lại cho hậu thế niềm tin mãnh liệt vào sự trường tồn và phát triển của dân tộc, giống nòi trong những vần thơ tuyệt mệnh tráng khí:

Dân trí, dân quyền chính khai hành,
Mã thương, Hoa bác dục tranh minh.
Phi thường xuất tự tầm thường sự,
Khô thụ tài bồi hoa diệp sinh.
*Dân quyền, dân trí mở rồi,
Súng Hoa, đạn Mã động trời Tây phương.
Trong tâm thường có phi thường,
Cây khô, chắm bón hoa hương thắm nồng.*
(PQA dịch thơ)

Người xưa nói: “Khai tất tiêu 開必霄” (Mở ra ắt xán lạn). Từ Hoàng giáp Trần Đức Mậu đã mở ra một truyền thống văn hiến tốt đẹp cho gia tộc và cho cả một vùng, được con cháu các đời kế tục vun trồng, phát huy. Và từ cội lớn, nguồn mạnh mà tiền nhân đã xây đắp, sau này, họ Nguyễn Đức lục chi còn sản sinh cho quê hương, đất nước nhiều nhân vật danh giá.

Trong số các hậu nhân nổi tiếng của Hoàng giáp Trần Đức Mậu, trước hết, phải kể đến bác sĩ **Nguyễn Kinh Chi** (1899-1986), một một thầy thuốc tài năng của miền Trung, là Đại biểu Quốc hội bốn khóa đầu tiên (1946 - 1975) và là Thứ trưởng Bộ Y tế trong thời kỳ chống Pháp gian khổ của nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa. Trong hoạt động chuyên môn ông là người rất giỏi lâm sàng, có tinh thần thực nghiệp cao. Trước năm 1945, ông đã khảo sát để biên soạn các sách giới thiệu về tiềm năng du lịch và công nghệ Quảng Bình, rồi cùng với em trai là Nguyễn Đồng Chi, đi thực tế điền dã để viết nên công trình dân tộc học danh tiếng *Mọi Kon-tum*. Trong kháng chiến chống Pháp, ông đã có tầm nhìn xa khi đề xuất cho chặt rừng cây canh-ki-na ở Lâm Đồng đem ra khu IV ngay từ cuối năm 1945 để dự phòng làm thuốc ký-ninh chữa sốt rét cho bộ đội, cũng như cho di chuyển an toàn bệnh viện hiện đại nhất của Huế ra Nghệ An trước khi Pháp đánh vào Thừa Thiên, lại có công xây dựng Xưởng Dụng cụ y tế ở Liên khu IV, làm ra ống tiêm và máy dập thuốc viên, một việc vô cùng khó khăn thời đó. Chính với những tri thức, kinh nghiệm thực tế và sự đam mê, ông là người đã chỉ dẫn, động viên con trai là PGS Nguyễn Từ Chi đi vào con đường nghiên cứu dân tộc học. Trong cuộc sống, ông là người khảng khái, coi thường danh lợi, cốt sao giữ được nhân cách, chủ kiến của mình. Tuy bác sĩ Nguyễn Kinh Chi trước tác không nhiều, nhưng ông đã tiếp bước thân phụ Nguyễn Hiệt Chi, phát huy mạnh mẽ truyền thống thực nghiệp, truyền thống văn hóa của gia tộc cho hàng con cháu kế tục.

Trong hàng con cháu của chí sĩ Nguyễn Hiệt Chi, người kế thừa và phát huy xuất sắc nhất truyền thống gia tộc là học giả, nhà văn **Nguyễn Đồng Chi** (1915-1984). Thời trai trẻ, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng cách mạng của thân phụ là chí sĩ Nguyễn Hiệt Chi và truyền thống yêu nước thương dân của các bậc tiền nhân trong dòng họ, Nguyễn Đồng Chi, ngoài việc chăm chỉ đến trường học tập, đã sớm có ý thức tích cực nhập thế, theo đuổi con đường “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” của các nhà duy tân. Tuy xuất thân trong một gia đình thuộc tầng lớp trung lưu nhưng ông rất quan tâm đến đời sống bị áp bức, nghèo khổ của nhân dân lao động tầng lớp dưới trong xã hội. Ông mở Bình Ân dược phòng để làm thuốc rẻ tiền chữa bệnh cho người nghèo, tổ chức các mô hình hoạt động kinh tế như dịch vụ buôn bán, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ để giúp dân có kế sinh nhai, thoát khỏi cuộc sống nghèo túng trên mảnh đất phèn chua, ngập mặn, khó sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh việc quan tâm đến “dân sinh”, ông còn chú trọng sưu tầm, biên soạn “Kho sách bạn trẻ”, giới thiệu những tấm gương anh hùng cứu quốc, lao động sáng tạo của dân tộc và thế giới để khơi gợi lòng yêu nước, khích lệ ý chí kiên cường bất khuất, tinh thần xả thân vì cộng đồng cho thế hệ trẻ. Trong thời gian đi học ở Vinh, ông đã tham gia viết báo; sau đó, ông tập trung sưu tầm, nghiên cứu và thử bút trên nhiều lĩnh vực văn chương, học thuật. Từ lúc mới hoa niên, ông đã gặt hái được nhiều thành tựu trong sáng tác, trước thuật. Năm 1933, khi mới 18 tuổi, Nguyễn Đồng Chi đã cùng anh trai là bác sĩ Nguyễn Kinh Chi khảo cứu và viết sách *Mọi Kon-tum*. Phóng sự *Túp lều nát* của ông xuất bản năm 1937, khi ông mới 22 tuổi, ngay khi vừa ra đời đã bị thực dân Pháp đề ý, được báo *Tiếng dân* ca ngợi

là can đảm; sau này, được các nhà nghiên cứu đánh giá là có những mặt còn xuất sắc hơn cả *Tất đền* của Ngô Tất Tố. Năm 1943, công trình nghiên cứu về Đào Duy Từ của ông được giải khuyến khích của Học hội Alexandre de Rhodes. Đặc biệt, trong quãng thời gian này, cuốn sách *Việt Nam cổ văn học sử* (tập 1, xuất bản năm 1941) của Nguyễn Đồng Chi được các học giả lớn lúc bấy giờ đánh giá cao và tư tưởng học thuật của ông trong công trình này về sau đã được các nhà văn học sử tiếp thu và phát triển sâu rộng.

Về hoạt động chính trị - xã hội, từ năm 1939, ông đã tham gia phong trào dân chủ phản đế, tham gia lãnh đạo Đoàn Thanh niên cứu quốc Can Lộc, tổ chức Đội vũ trang cướp chính quyền Can Lộc thành công ngày 15/8/1945, sớm thứ hai trong toàn quốc, đứng sau khởi nghĩa Ba Tơ. Trong kháng chiến chống Pháp, sau khi tham gia tự vệ chiến đấu ở thủ đô trong hơn 2 tháng, ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ công tác trong nhiều lĩnh vực như: báo chí, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, kinh tài... ở Liên khu IV. Từ 1955 đến 1975, ông công tác ở Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa và Viện Sử học, là một trong 4 học giả thay mặt phía Việt Nam tiếp thu Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp ở Hà Nội (1956-1957), tiếp đây là thành viên Ban Cổ sử và Trưởng phòng Tư liệu Thư viện Viện Sử học, khởi đầu việc xây dựng hệ thống thư mục chuyên đề về sử học và cùng các học giả khác hiệu đính nhiều công trình dịch thuật Hán Nôm quan trọng của viện. Ngoài ra, ông còn là người chủ chốt cùng hai đồng nghiệp khác phát hiện ra di chỉ đồ đá cũ Núi Đọ (1961). Sau 1975, ông từng làm Trưởng ban Hán Nôm (tiền thân của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1978), rồi Quyền Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm, cho đến 1981 thì xin chuyển sang làm chuyên viên nghiên cứu của Ban Văn hóa dân gian (tiền thân của Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian). Ông mất ngày 20 tháng Bảy năm 1984 tại Hà Nội.

Năm 1980, Nguyễn Đồng Chi được phong học hàm Phó Giáo sư và 1984, được phong học hàm Giáo sư. Ông được truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì và Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I năm 1996.

Với một cuộc đời từng trải và hơn 50 năm cầm bút, Nguyễn Đồng Chi đã làm chủ biên, viết chung, viết riêng khoảng trên 30 đầu sách và hàng trăm bài báo khoa học công bố trong và ngoài nước. Trong đó công trình đồ sộ nhất, có tầm cỡ nhất và được giới nghiên cứu quốc tế đánh giá cao, được ghi nhận trong các công trình bách khoa thư folklore quốc tế (Pháp, Đức, Mỹ...) là bộ sách *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (5 tập 1957-1982). Một công trình khác của ông là cuốn *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh* đã được giới nghiên cứu và biên soạn tài liệu về văn hóa nói chung, địa chí văn hóa nói riêng, xem là mẫu mực để noi theo.

Phạm vi nghiên cứu, sáng tạo của Nguyễn Đồng Chi rất rộng, bao gồm: sáng tác văn học, nghiên cứu văn học viết, nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu Hán Nôm,

khảo cổ học, dân tộc học.... Ở lĩnh vực nào ông cũng có những đóng góp đột xuất, có tính chất mở đường hoặc đóng những mốc son trên con đường phát triển. Nhưng công hiến nổi bật hơn cả của ông là ở lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu văn học, văn hóa dân gian, được coi là một trong những nhà văn hóa dân gian hàng đầu, nhất là những kiến giải mới mẻ về loại hình truyện cổ tích Việt Nam trong tương quan với cổ tích thế giới. Ông là người đầu tiên xâu chuỗi các mô-típ truyện cổ tích Việt Nam với cổ tích của nhiều nước.

Tiếp bước học giả, nhà văn hóa Nguyễn Đồng Chi, người cháu ruột của ông là PGS **Nguyễn Từ Chi** (1925-1995), con trai bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, xuất thân Tú tài Trường Pellerin Huế, đã gần như hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp nghiên cứu khoa học (ngoại trừ 7 năm Nam tiến chiến đấu ở phía nam Khu V trong tư cách Đại đội trưởng Vệ quốc đoàn). Ông là nhà dân tộc học hàng đầu của Việt Nam thế kỷ XX, chuyên gia về người Mường và làng xã người Việt, được giới dân tộc học thế giới, nhất là Pháp, biết tiếng. Ông còn được biết đến như một nhà nghiên cứu văn hóa, dịch giả, biên tập viên, một người thầy đáng kính. Tuyến tập *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người* của ông đã trở thành bộ sách kinh điển về nghiên cứu văn hóa và dân tộc học ở Việt Nam, được tái bản nhiều lần, được các thế hệ nhà nghiên cứu dân tộc học Việt Nam kế thừa và gặt hái được nhiều thành tựu. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt II (2000).

Con trai trưởng của GS Nguyễn Đồng Chi là GS **Nguyễn Huệ Chi** (sinh năm 1938), một chuyên gia hàng đầu về văn học Trung - Cận đại Việt Nam, nguyên Trưởng ban Văn học Cổ - Cận đại, nguyên Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Văn học Việt Nam và là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1984. Ông đã làm chủ biên, viết chung và viết riêng khoảng gần 30 đầu sách, công bố hàng trăm bài báo. Trong đó, đáng chú ý nhất là các công trình *Thơ văn Lý - Trần, Mấy vẻ mặt thi ca Việt Nam, Nguyễn Trãi - khí phách và tinh hoa của dân tộc, Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù, Thi hào Nguyễn Khuyến - đời và thơ, Cao Xuân Huy - tư tưởng phương Đông gợi những góc nhìn tham chiếu, Từ điển văn học* (bộ mới) và *Văn học cổ cận đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật*.

Trong nghiên cứu khoa học, với một tư duy sắc sảo, nhạy bén, Nguyễn Huệ Chi luôn trăn trở, tìm tòi những cái mới trong vốn văn hóa dân tộc, từ đó, đề xuất nhiều đề tài nghiên cứu quan trọng. Ông thường có những phát kiến độc sáng, các kiến giải khoa học thấu đáo, đi tới tận cùng mỗi vấn đề; thể bút của ông vững chãi, văn phong của ông logic, trong sáng, uyển chuyển; câu văn nhịp nhàng, giàu hình ảnh.

Bên cạnh hoạt động học thuật có rất nhiều thành tựu, Nguyễn Huệ Chi còn được mọi người biết đến ở tư cách là một trí thức trung trực, có trách nhiệm cao với đất nước và nhân dân, luôn quan tâm và có ý kiến phản biện thẳng thắn các vấn

đề của xã hội. Âu đó cũng là sự thể hiện một cách sắc nét truyền thống yêu nước thương dân và cốt cách cứng cỏi của gia tộc.

Về các lĩnh vực hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, chính trị - xã hội, trong dòng họ Nguyễn Đức lục chi, còn phải kể đến một số nhân vật như nhà giáo Nguyễn Lợi, Tri phủ Nguyễn Đức Trà, chuyên viên kỹ thuật Nguyễn Hiền và Nguyễn Hưng Chi, PGS Hóa học Nguyễn Đức Vận, nhà giáo Nguyễn Đức Nga, PGS Nguyễn Du Chi (1940-2000, Giải thưởng nhà nước về nghiên cứu mỹ thuật cổ, 2011), Tiến sĩ Thư viện học làm việc lâu năm ở Thư viện Quốc hội Mỹ Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Tiến sĩ Giáo dục học Nguyễn Đức Ân...

Nhà giáo **Nguyễn Lợi** là hương sư dạy chữ Hán lâu năm ở trường Phù Kim, một trường tiểu học trong vùng, đào tạo nhiều thế hệ học trò giỏi về Hán Nôm, trong đó có GS Nguyễn Đồng Chi. Ông đã từng cộng tác với Nguyễn Đồng Chi biên dịch ra Quốc ngữ nhiều thư tịch Hán - Nôm có giá trị như *Thối thực ký văn* của Trương Quốc Dụng, gia phả và các thư tịch khác của dòng họ, đáng kể là cuốn nhật ký chữ Hán *Hy An niên phả* chưa in.... Ông cũng là người kiên quyết đấu tranh chống lại những chủ trương ấu trĩ, tả khuynh trong việc phá bỏ các di tích văn hóa lịch sử có giá trị trong địa phương hồi đầu Cách mạng tháng Tám.

Tri phủ **Nguyễn Đức Trà** là một quan chức của chế độ thực dân phong kiến nhưng sống liêm khiết, thức thời, và có lòng yêu nước thương dân. Trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông là một trong số ít quan chức đứng đầu một địa phương đã chủ động bàn giao chính quyền cho Việt Minh một cách êm đẹp; sau đó về quê, ông đã tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến kiến quốc ở địa phương.

Nguyễn Hiền (1913-2009) tốt nghiệp Thành chung tại Vinh, đi dạy học ở Huế và là Phó Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ Trung Bộ, tham gia nhóm Responsible của Tôn Quang Phiệt, là một trong ba người cầm đầu khởi nghĩa giành chính quyền Can Lộc. Trong kháng chiến ông hoạt động ở Liên khu V, có đầu óc kỹ thuật giỏi giang, trong điều kiện hết sức ngặt nghèo của kháng chiến, đã có công sáng tạo máy in bạc Cù Hồ giống hệt ở Việt Bắc và thiết kế thành công nhà máy cất rượu cồn 90 độ, được Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đặc trách tại Nam Trung Bộ khen thưởng.

Nguyễn Hưng Chi (1920-1997), tốt nghiệp Trường Kỹ nghệ thực hành ở Huế. Trước năm 1945 ông đã viết sách *Động vật đời tiền sử*, một công trình nghiên cứu về cổ sinh học có giá trị được nhiều người biết đến, cuối đời còn để lại cuốn hồi ký dày dặn *Nhớ lại và suy gẫm*, chưa in. Ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền huyện Can Lộc rồi hoạt động công nghệ trong kháng chiến chống Pháp, phụ trách tìm tòi sản xuất giấy cho kháng chiến. Sau hòa bình lập lại 1954, ông là chuyên gia tầm cỡ, có đóng góp nhiều trong việc xây dựng mỏ thiếc Cao Bằng.

Về võ nghiệp, dòng họ Nguyễn Đức lục chi có hai nhân vật nổi tiếng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc là Đại tá, nhà khoa học quân sự Nguyễn Đức Sao (1928-2013) và Đại tá, Anh hùng LLVTND Nguyễn Đức Hùng (1928-2012).

Nguyễn Đức Sao, bí danh là Hoàng Minh Phương, là người gắn bó với cuộc đời binh nghiệp từ rất sớm, ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, lúc vừa tròn 18 tuổi, với trải nghiệm, thử thách trên những cương vị chiến đấu khác nhau suốt hơn 40 năm trong quân ngũ. Xuất thân là một học sinh trung học tham gia hoạt động trong tổ chức Đoàn Thanh niên cứu quốc thuộc Mặt trận Việt Minh thời kỳ tiền khởi nghĩa tại Hà Nội, ông làm đội viên tự vệ Thành rồi gia nhập Vệ quốc đoàn trực tiếp cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Trong kháng chiến chống Pháp, ông trực tiếp chiến đấu trên những mặt trận cam go, khốc liệt nhất. Nhờ thành tích chiến đấu, ở tuổi 20, ông được điều ra chiến khu Việt Bắc để tham dự Đoàn cán bộ của Đảng sang học tập tại Trung Quốc (4/1949). Từ năm 1950 đến 1975, ông được phân công làm trợ lý cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp suốt 25 năm. Do có trình độ học vấn cơ bản vững vàng lại là người chịu khó học hỏi, biết chắt lọc kinh nghiệm từ thực tiễn chiến tranh, nên trong công tác tham mưu, đặc biệt là công tác đối ngoại của quân đội, ông là một trợ thủ giỏi, lập được nhiều thành tích xuất sắc, được Đại tướng Tổng tư lệnh hết sức tin cậy. Ngoài ra, ông còn là một nhà nghiên cứu quân sự có khả năng tổng hợp, tổng kết thực tiễn chiến tranh, đã tham gia viết nhiều tài liệu lý luận quân sự có giá trị. Trong giai đoạn làm trợ lý cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ông đã nhiều lần trực tiếp vào chiến trường tiền phương, tham gia chỉ huy chiến đấu. Đặc biệt, Hoàng Minh Phương đã nhiều lần được tháp tùng và làm phiên dịch cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong các chuyến đi công tác nước ngoài, nhiều nhất là ở Trung Quốc. Ông từng trải qua nhiều chức vụ quan trọng trong quân đội. Chức vụ cao nhất ông đảm nhiệm trước khi nghỉ hưu là Phó Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh quân tình nguyện ở Campuchia, kiêm Phó Cục trưởng Cục Khoa học quân sự, Bộ Tổng tham mưu, phụ trách cơ quan tiền phương của cục.

Là một sĩ quan cao cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam, không chỉ giỏi về công tác tham mưu, chỉ huy tác chiến mà do có nhiều thành tựu trong tổng kết lý luận quân sự nên Đại tá Hoàng Minh Phương thực sự là một nhà khoa học quân sự có tên tuổi.

Nguyễn Đức Hùng, bí danh là Tư Chu, nguyên là chỉ huy trưởng của lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Nguyễn Đức Hùng sinh ra trong gia đình nông dân nghèo, đông con, năm lên 8, ông đã phải vào Nha Trang kiếm sống, sau đó vào Sài Gòn tham gia cách mạng từ năm 1945. Ông được xem là một nhân vật huyền thoại trong vai trò thiết kế, chỉ

huy lực lượng Biệt động Sài Gòn - Chợ Lớn đánh nhiều trận khiến cho kẻ địch thất điên bát đảo. Với thành tích trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước, ông được phong Đại tá và đã được Nhà nước CHXHCN Việt Nam trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Về hoạt động kinh tế và đối ngoại, tiêu biểu trong dòng họ có **Nguyễn Đức Chúc** (anh ruột Đại tá Nguyễn Đức Sao), một doanh nhân tài hoa, ngoại giao rất giỏi. Ông nguyên là Phái viên Tài chính Trung Bộ, phụ trách Nghệ Tĩnh thời kháng chiến chống Pháp. Trong giai đoạn này, ông được cấp trên giao một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, nguy hiểm, là đưa cả một thuyền hàng có giá trị thương mại lớn, vượt biển sang Hồng Kông bán để lấy tiền phục vụ cho công cuộc kháng chiến. Khi đi đến giữa vịnh Bắc Bộ, ông bị tàu Pháp bắt giữ thuyền và tịch thu hết hàng hóa, nhờ ứng biến giỏi, ông được tha, cho sang một tàu người Hoa để trở lại đất liền. Nhưng ông đã tìm mọi cách thuyết phục họ và được họ đưa đến Hồng Kông. Tại đây, với sự giúp đỡ của bạn quen, ông phát huy khả năng của bản thân, cuối cùng với hai tay không vẫn đưa được cả một tàu hàng thuốc men, thực phẩm và vật dụng quý hiếm trở về khu IV.

Có thể nói, so với các cự tộc khác trong xứ sở, họ Nguyễn Đức lục chi là một dòng họ văn võ đồng đều, có thành tựu văn hiến trên nhiều lĩnh vực; có truyền thống bền bỉ về tinh thần yêu nước thương dân; tinh thần dũng liệt xả thân vì nghĩa lớn của quốc gia, dân tộc; tinh thần thực nghiệp, sáng tạo trong học tập và lao động; cốt cách cứng cỏi, bản lĩnh vững vàng trước mọi chao đảo của thế cuộc; cùng với những truyền thống đó là một quỹ gen thông minh, tài trí hơn người trong học thuật, trước tác.

Có được sự kế tục và phát triển mạnh mẽ đó, trước hết, là do các đời trong dòng họ luôn có những nhân vật trụ cột có ý thức sâu sắc trong việc nuôi dưỡng, giáo dục truyền thống, hun đúc ý chí và lý tưởng cho con cháu.

Ngay việc đặt tên cho con cháu các đời ở ngành trưởng Nguyễn Hiệt Chi cũng đã thể hiện đậm nét tinh thần nói trên. Cụ thể là chi họ này có một lối đặt tên riêng: tên chính đặt trước tên đệm; đàn ông thì tên đệm dùng chung một chữ “Chi”, đàn bà dùng chữ “Hương”. Tên chính của đàn ông thì dùng tên húy hoặc lấy một chữ trong tên tự, hiệu, tước phong của các danh nhân văn hóa, các anh hùng hào kiệt mà đặt. Ví dụ: Hiệt Chi (Hiệt là Thương Hiệt, một nhân vật khai sáng văn hóa Trung Hoa cổ đại và tên hiệu Mộng Thương của ông có nghĩa là mơ về Thương Hiệt hoặc mơ được như Thương Hiệt), Kinh Chi (Kinh Dương Vương), Đồng Chi (Phù Đồng Thiên Vương, vì vậy ông còn có tên gọi thân mật là Gióng), Hưng Chi (Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn), Từ Chi (Đào Duy Từ), Kiệt Chi (Lý Thường Kiệt), Huệ Chi (Quang Trung Nguyễn Huệ), Du Chi (Thị hào Nguyễn Du)... Tên

chính của đàn bà thường là tên các loại hoa thơm hoặc cây cỏ quý của quê hương, đất nước như: Táo Hương, Càn Hương, Quỳnh Hương, Cúc Hương, Mai Hương, Trầm Hương... Lối đặt tên này có mục đích làm cho con cháu các đời trong chi họ dễ nhận ra nhau; đồng thời, mỗi cái tên như thế vừa thể hiện mong ước, khát vọng của tiền nhân đối với con cháu vừa để chính con cháu từ ý nghĩa của mỗi cái tên mà mình mang ra sức phấn đấu, tu dưỡng.

Sau đến, các thế hệ thừa tiếp luôn biết lựa chọn và phát huy tinh hoa, thế mạnh của cha ông, đồng thời, thích ứng với thời thế mà tạo lập ra những nhân tố mới. Ví dụ, từ đời Hoàng giáp Trần Đức Mậu đến đời Đoan Trai công Nguyễn Đức Tạo chắc chỉ cần cù với nghề nông để mưu sinh rồi chăm chỉ học hành mà tiến phát theo con đường khoa cử. Nhưng từ Nguyễn Đức Tạo thì đã biết chuyển sang thương mại để hưng vượng gia nghiệp; đến đời Nguyễn Hiệt Chi, khi khoa cử đã hủ bại, thì dòng họ này lại mạnh nha hình thành con đường thực nghiệp, hướng theo kỹ nghệ.

Tất cả những truyền thống tốt đẹp đó đã trở thành bộ gen văn hóa thấm vào máu thịt của con cháu các thế hệ, được chọn lọc và di truyền qua các đời, được kết tinh và tỏa sáng trong những di sản, di tích, di vật của dòng họ. Và hiện tại, đây cũng là một cự tộc còn bảo lưu được nhiều di sản văn hóa quý giá, nhiều di tích gắn với các nhân vật danh tiếng và các sự kiện lịch sử - văn hóa lớn của địa phương và quốc gia.

Tuy nhiên, đến nay, chỉ mới có một số di tích của dòng họ Nguyễn Đức lục chi như Chi Gia Trang, Nghĩa Dân từ của Đoan Trai công Nguyễn Đức Tạo, nhà thờ Hoàng giáp Trần Đức Mậu, Khu lăng mộ các danh nhân họ Nguyễn Đức, được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. So với các tiêu chí xếp hạng di tích của ngành văn hóa, thể thao và du lịch, so với những di tích khác đã được xếp hạng trên địa bàn Hà Tĩnh, không ít người cho rằng, các di tích của dòng họ Nguyễn Đức lục chi xứng đáng được xếp ở thứ hạng cao hơn và cần được tiếp tục trùng tu, tôn tạo để có thể khai thác, phát huy được nhiều hơn nữa những giá trị phong phú còn tiềm tàng trong đó.

P Q A

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội Nghiên cứu và giáo dục văn học TP Hồ Chí Minh - Tập đoàn truyền thông Thanh niên - Nxb Trẻ, *Nguyễn Đồng Chi, học giả - nhà văn*, Nxb Trẻ, TP.HCM, 2015.
2. Lưu Công Đạo, *Thiên Lộc phong thổ chí*, Bản dịch của Ngô Đức Thọ, Tài liệu lưu hành nội bộ.
3. *Nguyễn Đức thị Đông Các đại tông phổ toàn biên* và các tư liệu khác của Mộng Thương thư trai hiện đang được lưu trữ tại kho sách gia đình GS Nguyễn Huệ Chi.

4. Nguyễn Hoàn - Uông Sĩ Lăng - Phan Trọng Phiên - Võ Miên, *Đại Việt lịch triều đẳng khoa lục*, bản Việt dịch của Tạ Thúc Khải, Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1963.
5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh, *Danh nhân Hà Tĩnh*, Tập 1, Nxb Đại học Vinh, 2014; Tập 2, Nxb Nghệ An, 2016.
6. Thanh Minh (biên dịch), *Phong thổ ký các huyện ở Hà Tĩnh*, Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tĩnh xuất bản, 2001.
7. Thái Kim Đình, *Hà Tĩnh - đất văn vật Hồng Lam*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2013.
8. Trần Mạnh Đán, *Can Lộc phong thổ ký*, Bản dịch của Trần Bá Chí, Tài liệu lưu hành nội bộ.
9. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, *Nguyễn Đồng Chi-người miệt mài tìm kiếm các di sản văn hóa dân tộc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997.
10. UBND huyện Can Lộc, *Thiên Lộc - Can Lộc, vùng đất "địa linh - nhân kiệt"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
11. Võ Hồng Huy, *Non nước Hồng Lam*, Tập 1, Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tĩnh xuất bản, 2001; Tập 2, Nxb Nghệ An, 2011.

TÓM TẮT

Dòng họ Nguyễn Đức lục chi là một dòng họ văn võ song toàn, phát triển và có thành tựu văn hiến trên nhiều lĩnh vực; có truyền thống bền bỉ về tinh thần yêu nước thương dân; tinh thần dũng liệt xả thân vì nghĩa lớn của quốc gia, dân tộc; tinh thần thực nghiệp, sáng tạo trong học tập và lao động; cốt cách cứng cỏi, bản lĩnh vững vàng trước mọi chao đảo của thế cuộc; cùng với những truyền thống đó là một quỹ gen thông minh, tài trí hơn người trong học thuật, trước tác. Đây cũng là một cự tộc còn bảo lưu được nhiều di sản văn hóa quý giá, nhiều di tích gắn với các nhân vật danh tiếng và các sự kiện lịch sử - văn hóa lớn của địa phương và quốc gia.

ABSTRACT

THE NGUYỄN ĐỨC FAMILY CONSISTING OF SIX BRANCHES – A HUGE AND STRONG FAMILY

The Nguyễn Đức family, including six branches, produced famous scholars and warriors achieving cultural achievements in various fields; The family has had persistent tradition of patriotism and courageous spirit ready for the sacrifice for national great cause as well as well-learned and creative spirit, and the steadfastness against disorder of social life along with traditional intelligence gene in academic field. This is also a famous family for the preservation of a lot of precious cultural heritage and relics associated with celebrities as well as local and national historical and cultural events.